

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HS-ST

Ngày: 22/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị C

2. Ông Nguyễn Văn N

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu B - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/HSST ngày 12/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 05/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/HSST-QĐ ngày 01/3/2024, đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: K (tên gọi khác: KÛE) - sinh ngày 08/12/1994 tại tỉnh G; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Làng N, xã H, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; con ông K (đã chết) và bà P - sinh năm 1973. Hiện mẹ bị cáo trú tại: Làng N, xã H, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/07/2019, có hành vi trộm cắp tài sản tại Làng K1, xã H1, huyện Đ, tỉnh G nên bị Công an huyện Đ xử phạt 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07 ngày 27/09/2019. Ngày 07/10/2019, bị cáo nộp phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: J (Tên gọi khác: không) - sinh ngày 03/01/1997 tại tỉnh G; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Làng W, xã H, huyện Đ, tỉnh G; Nơi cư trú hiện tại: Thôn K1, xã H1, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; con ông T - sinh năm 1969 và bà H- sinh năm 1981. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Làng W, xã H, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2011, bị cáo là con thứ 2 trong gia

đình; Bị cáo sống như vợ chồng với chị B – sinh năm 1999 và có 01 con chung là J1 – sinh năm 2023. Hiện chị B và con bị cáo đang sống tại: Thôn K1, xã H1, huyện Đ, tỉnh G; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà P - sinh năm 1973. Trú tại: Làng N, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

* *Người phiên dịch:* Ông Ayun. Địa chỉ: Làng Klok, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 09 giờ ngày 12 tháng 06 năm 2023, K và J đang nhậu tại nhà của vợ J tại thôn K1, xã H1, huyện Đ, tỉnh G K biết bà P (mẹ của K, sinh năm 1973, trú tại Làng N, xã H, huyện Đ, tỉnh G) không có ở nhà nên K rủ J trộm xe công nông của bà P mang đi bán lấy tiền tiêu xài. J đồng ý và điều khiển xe mô tô (không xác định) của vợ J chở K từ thôn K1, xã H1, huyện Đ, tỉnh G đến nhà bà P tại Làng N, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Trên đường đi, K và J đến gara của ông Nguyễn Đình T (sinh năm 1973 - chủ gara xe tại xã N, huyện Đ, G) để hỏi ông T việc mua bán xe công nông. Ông T nói muốn xem xe nên J và K dẫn ông T đến nhà bà P rồi thỏa thuận mua xe với số tiền 11.000.000 đồng. Lúc này, ông T gọi điện thoại ông KH (trú tại Thôn 5, xã N, huyện Đ, G) chạy xe công nông đến để kéo xe công nông đi. Vì trừ phí thuê người kéo xe đi nên Tiên đưa K số tiền 10.500.000 đồng. K chia cho J số tiền 200.000 đồng tiền bán xe, còn lại K và J mua rượu và đồ nhậu về nhà vợ J tại thôn K1, xã H1 để nhậu tiếp.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 74 ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, vào thời điểm bị mất trộm 01 xe công nông loại tay càng không có cầu, màu đỏ, thùng xe màu xanh, trên thùng xe có ghi chữ “Garage Văn Hùng” có trị giá 11.000.000 đồng.

Sau khi nhận trình báo mất tài sản từ bị hại, Cơ quan điều tra đã truy xét và triệu tập các bị cáo đến làm việc. Qua đấu tranh, các bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên.

2. Về vật chứng:

Đối với 01 xe công nông loại tay càng không có cầu, màu đỏ, thùng xe màu xanh, trên thùng xe có ghi chữ “Garage Văn Hùng” có trị giá 11.000.000 đồng của bà P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho chủ sở hữu.

Qua điều tra đã xác định được chiếc xe mô tô mà J dùng chở K đi trộm cắp tài sản là tài sản của chị B (sinh năm 1999, vợ của J). Vào khoảng tháng 9 năm 2023 chị B đã bán xe cho một nam giới (không rõ lai lịch) tại xã BH, thành phố P, tỉnh G với giá 2.000.000 đồng để lấy tiền chữa bệnh cho con.

3. Về dân sự:

Ông Nguyễn Đình T đã được bà P bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, bao gồm chi phí mua xe, kéo xe và sửa xe nên không có yêu cầu về dân sự. Đối với bị hại là bà P đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo K từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù; xử phạt bị cáo J từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ ngày 12/06/2023, tại rẫy của bà P thuộc Làng N, xã H, huyện Đ, tỉnh G, K và J đã lợi dụng thời điểm bà P vắng nhà, đã lén lút chiếm đoạt 01 xe công nông loại tay càng không có cầu, màu đỏ, thùng xe màu xanh, trên thùng xe có ghi chữ “Garage Văn Hùng” có trị giá 11.000.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo K và J thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội địa phương; đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ nên hành vi của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo K là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án còn bị cáo J là người giúp sức cùng K thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Mẹ của bị cáo K đã thay mặt bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị cáo J không đi học có sự hạn chế về nhận thức pháp luật. Vì vậy, các bị cáo K và J được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy: Đối với bị cáo K là người chủ mưu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng đã không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân; sau khi thực hiện hành vi phạm tội còn vi phạm lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nên đã bị áp dụng biện pháp tạm giam, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo J là người giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, nên xử phạt bị cáo mức hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xử lý phù hợp, đúng quy định của pháp luật trong quá trình điều tra.

[6] Về dân sự: Ông Nguyễn Đình T đã được bà P bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, bao gồm chi phí mua xe, kéo xe và sửa xe nên không có yêu cầu về dân sự. Đối với bị hại là bà P đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Đình T đã mua lại 01 xe công nông do K và J bán vào ngày 12/6/2023. Tuy nhiên, khi mua Tiên không biết tài sản trên do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo J.

- Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo K và J phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo K 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 15/11/2023.

- Xử phạt bị cáo J 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo J cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Đ, tỉnh G nơi bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo J thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo K và J, mỗi bị cáo phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2024), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ
(CQĐT, THAHS);
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Hneng;
- Bị cáo; Người TGTT khác
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H